

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN Đ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH LÂM ĐỒNG

Bản án số: 131/2019/HS-ST

Ngày: 30-8-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Long

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đức Thọ

2. Bà Triệu Thị Hằng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 78/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2019/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2019 và Thông báo mở lại phiên tòa số 63/2019/TB-TA ngày 20/8/2019 đối với các bị cáo:

1. Tổng Văn B, sinh ngày 27 tháng 10 năm 1985; nơi sinh: B; Nơi cư trú: thôn Thượng Đồng, phường V, thành phố B, tỉnh B; nghề nghiệp: Lái xe; quốc tịch: Việt Nam; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; con ông Tổng Văn Chú và bà Nguyễn Thị Mận; Vợ: Nguyễn Thị Quỳnh Trâm (đã ly hôn); con: 01 con sinh năm 2015; tiền án: Bản án số 91/2017/HSST ngày 24/5/2017 bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; tiền sự: Không; Nhân thân: Theo bản án số 130/2006/HSST ngày 30/11/2006 bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 06 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Bị bắt tạm giam từ ngày 26/11/2018 đến nay, hiện đang bị tạm giữ tại nhà tạm giữ Công an huyện Đ (có mặt).

2. Lưu Đình B, sinh ngày 02 tháng 5 năm 1986; nơi sinh: Lâm Đồng; Nơi cư trú: 30 Đình Tiên Hoàng, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Lái xe; quốc tịch: Việt Nam; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; con ông Lưu Hoàng Long (đã chết) và bà Cao Thị Hường; Vợ: Đoàn Thị Hạnh; con: 01 con sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; Hiện bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Thạnh Hòa – Tổng cục 8 – Bộ công an theo Bản án số 08/2019/HS-ST ngày 17/01/2019 của tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An về tội “Cố ý gây thương tích” (có mặt).

* Bị hại:

- Bà Đình Thị N, sinh năm 1980

Trú tại: 53 tổ 29 Phi Nôm, H, Đ, Lâm Đồng. Có mặt

- Ông Nguyễn Hữu Trường Q, sinh năm 1985

Trú tại: 78 Đình Tiên Hoàng, L, Đ, Lâm Đồng. Vắng mặt

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Lê Văn S, sinh năm 1983

Trú tại: Thôn Nghĩa Hiệp, L, Đ, Lâm Đồng. Vắng mặt

- Bà Lê Thị Thùy T, sinh năm 1971

Trú tại: 69 Phù Đồng Thiên Vương, Tổ 7, TT L, Đ, Lâm Đồng. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 04/5/2016 Tống Văn B đi đến sân bóng mini Quốc Việt, tọa lạc tại tổ 62, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng chơi với bạn là Nguyễn Hữu Trường Q, sinh năm 1985. Sau đó B có hỏi mượn chiếc xe mô tô hiệu Sirius màu đen xanh biển số 49E1-404.12 của Q nói là đi mua card điện thoại. Trên đường đi mua card điện thoại B nảy sinh ý định cầm chiếc xe máy trên để lấy tiền tiêu xài cá nhân. B điều khiển xe đến nhà ông Lê Văn S, sinh năm 1983 cầm cổ xe với giá 6.000.000đ, số tiền này B tiêu xài cá nhân hết. Sau nhiều lần đòi xe nH không được anh Q làm đơn tố cáo đến cơ quan Công an. Đến ngày 18/5/2016 Tống Văn B chuộc xe và giao nộp cho công an huyện Đ để khắc phục hậu quả.

Căn cứ biên bản định giá tài sản ngày 21/6/2016 của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ xác định giá trị chiếc xe mô tô hiệu Sirius màu đen xanh biển số 49E1-404.12 có trị giá là: 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng).

Ngoài ra vào ngày 19/01/2017, Tống Văn B cùng với Lưu Đình B, đến công ty dịch vụ cho thuê xe Quốc H do ông Nguyễn Quốc H làm chủ để thuê xe ô tô hiệu Kia Sorento, biển số: 49A-086.02 do bà Đình Thị N vợ ông H đứng tên sở hữu để đi công việc và hẹn sáng mai trả. Do quen biết nên vợ chồng ông H, bà N không làm hợp đồng thuê xe. Sau khi thuê chiếc xe ô tô trên, Tống Văn B và Lưu Đình B bàn với nhau đem xe ô tô cầm cố lấy tiền tiêu xài, cả hai đồng ý và điều khiển xe đến nhà bà Lê Thị Thùy T cầm cố với giá 100.000.000đ. Số tiền trên B và B chia nhau mỗi người 50.000.000đ để tiêu xài. Đến sáng ngày hôm sau, B đến nhà bà T yêu cầu lấy thêm 10.000.000đ tiền cầm cố xe hôm trước. Bà T đồng ý và đưa tiền cho B. Số tiền cầm xe B và B đã tiêu xài cá nhân hết. Do không có tiền chuộc xe trả cho để trả cho ông H, bà N nên ông H làm đơn tố cáo đến Công an huyện Đ. Cơ quan điều tra Công an huyện Đ đã tiến hành thu hồi xe làm rõ vụ việc.

Căn cứ biên bản định giá tài sản ngày 16/02/2017 của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ xác định giá trị chiếc xe ô tô hiệu Kia Sorento, biển số: 49A-086.02 có trị giá là: 356.000.000đ (Ba trăm năm mươi sáu triệu đồng).

Về tang vật của vụ án:

- 01 xe ô tô hiệu Kia Sorento, biển số: 49A-086.02

- 01 mô tô hiệu Sirius màu đen xanh biển số 49E1-404.12

Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã ra quyết định trả lại xe cho người bị hại là bà Đinh Thị N và ông Nguyễn Hữu Trường Q, bà N, ông Q không yêu cầu gì thêm về mặt dân sự. Tổng Văn B đã khắc phục số tiền 6.000.000đ cho anh Lê Văn S, anh S đã nhận đủ tiền và không yêu cầu gì thêm. Đối với bà Lê Thị Thùy T, gia đình Lưu Đình B đã bồi thường cho bà T 55.000.000đ. Nay bà T yêu cầu bồi thường số tiền còn lại là 55.000.000đ.

Trong quá trình điều tra các bị cáo Tổng Văn B, Lưu Đình B đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường khắc phục một phần hậu quả nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định cho các bị cáo.

Đối với bị cáo Tổng Văn B đã có tiền án chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội 02 lần nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015.

Tại bản cáo trạng số 56/CT - VKS ngày 13 tháng 5 năm 2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Đ để xét xử các bị cáo: Tổng Văn B, Lưu Đình B về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên Cáo trạng truy tố các bị cáo Tổng Văn B, Lưu Đình B về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015 xử phạt bị cáo Tổng Văn B từ 06 đến 07 năm tù. Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015 xử phạt bị cáo Lưu Đình B từ 04 đến 05 năm tù.

Tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về hoạt động điều tra, truy tố của điều tra viên, kiểm sát viên thì thấy rằng trong quá trình điều tra, truy tố điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, không ai có ý kiến thắc mắc hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng. Như vậy, các cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, lời khai của người làm chứng và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 19/01/2017 bị cáo B và bị cáo B cùng thống nhất đến công ty dịch vụ cho thuê xe Quốc H để thuê xe ô tô hiệu Kia Sorento, biển số: 49A-086.02 do bà Đinh Thị N đứng tên sở hữu để đi công việc và hẹn sáng hôm sau sẽ trả. Do quen biết nên các bên không làm hợp đồng thuê xe. Sau khi thuê chiếc xe bị cáo B và bị

cáo B bàn với nhau đến nhà bà Lê Thị Thùy T để cầm xe ô tô với giá 100.000.000đ rồi chia nhau mỗi người 50.000.000đ để tiêu xài cá nhân. Đến sáng ngày hôm sau, bị cáo B đến nhà bà T yêu cầu lấy thêm 10.000.000đ bà T đồng ý. Do không có tiền chuộc xe nên ông Nguyễn Quốc H làm đơn tố cáo đến Công an huyện Đ. Ngoài ra, trước đó vào ngày 04/5/2016 bị cáo B có mượn chiếc xe mô tô hiệu Sirius màu đen xanh biển số 49E1-404.12 của anh Nguyễn Hữu Trường Q đi mua card điện thoại. Trên đường đi mua card điện thoại bị cáo B nảy sinh ý định cầm chiếc xe máy để lấy tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo đến nhà ông Lê Văn S để cầm chiếc xe với giá 6.000.000đ. Sau nhiều lần đòi xe nhưng không được anh Q làm đơn tố cáo đến cơ quan Công an.

Căn cứ biên bản định giá tài sản ngày 21/6/2016 của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ xác định giá trị chiếc xe mô tô hiệu Sirius màu đen xanh biển số 49E1-404.12 có trị giá là: 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng) và B bản định giá tài sản ngày 16/02/2017 của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ xác định giá trị chiếc xe ô tô hiệu Kia Sorento, biển số: 49A-086.02 có trị giá là: 356.000.000đ (Ba trăm năm mươi sáu triệu đồng).

Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Tống Văn B và Lưu Đình B đã phạm vào tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Xét tính chất mức độ và hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật, bị nghiêm cấm nhưng vì muốn có tiền tiêu xài bị cáo đã sử dụng tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ thể thể chấp cầm cố để tiêu xài cá nhân mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương nên việc truy tố, xét xử các bị cáo về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự 2015 là đúng pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy cần có một bản án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo mới thoả đáng.

[4] Xét về vai trò và nhân thân của các bị cáo trong vụ án: Đối với hành vi chiếm đoạt chiếc xe ô tô hiệu Kia Sorento, biển số: 49A-086.02 thì các bị cáo Tống Văn B và Lưu Đình B cùng thống nhất ý chí mang chiếc xe đi cầm cố để chia đôi số tiền đã cầm cố để tiêu xài nên bị cáo B và bị cáo B có vai trò ngang nhau trong vụ án và phải chịu trách nhiệm hình sự ngang nhau đối với hành vi chiếm đoạt chiếc xe ô tô. Xét về nhân thân bị cáo B là người chưa có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội bị cáo B đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo đã tự nguyện khắc phục một phần thiệt hại cho phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà T số tiền 55.000.000đ, bà T không yêu cầu bị cáo B phải bồi thường gì thêm, đồng thời có đơn xin bãi nại, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo B nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo B khi lượng hình. Đối với bị cáo Tống Văn B ngoài hành vi chiếm đoạt chiếc xe ô tô cùng bị cáo B còn có hành vi chiếm đoạt chiếc xe máy của anh Q nên cần áp

dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015. Xét về nhân thân bị cáo B có nhân thân xấu và đang có tiền án, cụ thể: bản án số 91/2017/HSST ngày 24/5/2017 bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” bị cáo B chưa được xóa án lại tiếp tục tái phạm nên cần áp dụng thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo B đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo B đã tự nguyện bồi thường khắc phục thiệt hại cho bị hại là ông Lê Văn S và tại phiên tòa bị cáo B đồng ý bồi thường cho bà T số tiền 55.000.000đ nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo B khi lượng hình.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Đinh Thị N và ông Nguyễn Hữu Trường Q đã nhận lại tài sản, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn S đã nhận lại tiền và không có ý kiến yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thùy T đã được gia đình bị cáo Lưu Đình B bồi thường số tiền 55.000.000đ, bà T không yêu cầu bị cáo B bồi thường gì thêm. Đối với số tiền 55.000.000đ còn lại bà T yêu cầu bị cáo Tống Văn B bồi thường, bị cáo B đồng ý nên cần công nhận sự thỏa thuận này.

[6] Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho chủ sở hữu theo quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Từ những phân tích nhận định trên nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để các bị cáo nhận thức hành vi phạm tội của mình và mang tính răn đe, giáo dục phòng ngừa chung, đồng thời thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

[8] Về án phí: Buộc các bị cáo Tống Văn B và Lưu Đình B mỗi bị cáo phải chịu án 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Buộc bị cáo Tống Văn B phải chịu 2.750.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố các bị cáo Tống Văn B, Lưu Đình B phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 175; điểm b,s Khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt: Bị cáo Tống Văn B 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 26/11/2018.

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt: Bị cáo Lưu Đình B 04 (bốn) năm tù.

Áp dụng Điều 55, Điều 56 Bộ luật hình sự 2015 tổng hợp hình phạt với Bản án số 08/2019/HS-ST ngày 17/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xử phạt bị cáo Lưu Đình B 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về

tội “Cố ý gây thương tích”. Buộc bị cáo Lưu Đình B phải chấp hành 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/11/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Tống Văn B có nghĩa vụ bồi thường cho bà Lê Thị Thùy T số tiền 55.000.000đ (năm mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc Lưu Đình B và bị cáo Tống Văn B mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Buộc bị cáo Tống Văn B phải chịu 2.750.000đ (hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- THA huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Bộ phận THA phạt tù;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thanh Long

